

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN I  
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 08/2020/HS-ST

Ngày: 11/8/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I - TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Phú Lợi

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vi Văn Thu và ông Vi Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Khánh Lựu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS, ngày 09/7/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 07 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn N.** Sinh ngày 21/07/1993 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Trương Thị T, sinh năm 1967. Có vợ là chị Trần Thị Như T, sinh năm 1996, trú tại Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt để tạm giam từ 04/04/2020 đến nay. (Có mặt)

**- Bị hại:** Ông Đỗ Nguyễn Nhị C, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: Phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Xã Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

**- Nguyên đơn dân sự:** Chi nhánh xăng dầu Kon Tum – Công ty TNHH MTV xăng dầu B. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Duy T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh xăng dầu Kon Tum – Công ty TNHH MTV xăng dầu B.

Ông Võ Duy T ủy quyền cho ông Trần Ngọc H. Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh xăng dầu Kon Tum – Công ty TNHH MTV xăng dầu B (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 1 năm 2020). (Có giấy báo vắng mặt)

**+ Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Trương Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

**- Người làm chứng:**

+ Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Anh Ngô Khắc H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 6, Phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Anh Phan Trường L1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Chị Trần Thị Như T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2019, anh Đỗ Nguyễn Nhị C, sinh năm 1983, trú tại: tổ 09, Phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai có đến quán cà phê Thành để uống cà phê, tại đây anh C đã gặp chị Trần Thị Như T, sinh năm 1996, trú tại Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai là vợ của Nguyễn Văn N, sinh năm 1993, trú tại Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và có ý muốn tán tỉnh, chọc ghẹo chị T, tuy nhiên chị T không đồng ý và nói là đã có chồng. Sau đó, anh C tìm được Facebook của chị T và nhắn tin tán tỉnh. Biết được sự việc, N đã gặp C tại quán cà phê Thành để nói chuyện và giải thích cho anh C về việc chị T là vợ của mình và yêu cầu anh C không được tán tỉnh, chọc ghẹo vợ mình nữa. Tuy nhiên, anh C không đồng ý và vẫn tiếp tục nhắn tin tán tỉnh chị T qua facebook. Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 18/01/2020, sau khi đi làm về N đến quán cà phê Thành để uống và chờ chờ vợ về và có gọi điện rủ em họ của mình là Nguyễn Đức L sinh năm 1997, trú tại: thôn H - xã K - huyện Đ - tỉnh Gia Lai đến uống cùng. Tại đây, N đã kể về việc anh C có tán tỉnh, chọc ghẹo vợ của mình, sau đó N rủ L cùng đi lên huyện I - tỉnh Kon Tum để tìm anh C nói chuyện và L đồng ý. Sau đó N gọi một chiếc Taxi hãng Sun taxi Gia Lai, khoảng 05 phút sau taxi đến, tài xế là anh Phan Trường L1, sinh năm 1997, trú tại: tổ dân phố 04 – thị trấn K – huyện M - tỉnh Gia Lai, sau đó N gọi L1 vào quán cà phê và yêu cầu L1 chở lên huyện I. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì đến cửa hàng xăng dầu 125, thôn 1, xã I T, huyện I, tỉnh Kon Tum là nơi anh C làm việc; thấy cây xăng đã đóng cửa nhưng vì muốn biết anh C có mặt trong đó không và vì sợ nếu mình trực tiếp vào hỏi thì anh C sẽ không đồng ý ra ngoài nói chuyện nên N yêu cầu L1 điều khiển xe Taxi đi vào để gọi cửa đổ xăng, nhìn đồng hồ thấy xe cũng gần hết xăng nên L1 đồng ý vào gọi với ý định nếu được sẽ đổ xăng tại đây chứ không nghi ngờ gì. Tại cửa hàng xăng tối hôm đó là anh Đỗ Nguyễn Nhị C và anh Ngô Khắc H sinh năm 1984, trú tại: Tổ

06, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai trực. L1 lái xe đậu trước cửa cây xăng và xuống gọi cửa, tuy nhiên không có ai trả lời; Thấy vậy, N bảo L xuống và cùng L1 gọi cửa, cả hai gọi được một lúc thì anh Hạnh đứng bên trong cửa hàng và nói cây xăng đã đóng cửa theo quy định và không bán xăng nữa nên L và L1 quay lại xe. Sau đó, N lấy điện thoại để gọi bằng Facebook cho anh C và nhờ L đứng sát cửa để nghe xem có chuông điện thoại hay không, khi nghe có chuông thì L nói với N là có chuông bên trong. Lúc này, L và L1 lên xe Taxi và L yêu cầu L1 lái xe ra đỗ gần sát Quốc Lộ 14C để N ở lại nói chuyện với anh C. N đi lại chỗ cửa sổ phòng ngủ của anh C và nói chuyện với anh C về việc mâu thuẫn giữa anh C, anh N và chị T. N và anh C nói qua nói lại được khoảng 30 phút, lúc này anh C có nói với anh N là “*T nó ôm hết người này, người kia*”, khi nghe câu đó, N bức xúc nhưng vẫn tiếp tục yêu cầu anh C ra ngoài để nói chuyện rõ ràng và nói rõ là vợ mình đã ôm ai nhưng anh C không chịu ra; không kiềm chế được bản thân nên N đã chạy ra chỗ xe taxi đang đậu, mở cửa trước và lấy trong túi xách của N một cây gậy baton (*loại gậy ba khúc bằng kim loại*) và quay lại cửa hàng, N dùng cây gậy baton đập vỡ cửa kính trước của cửa hàng, tiếp đó đi vào đập vỡ cửa kính phòng ngủ của anh C và xông vào dùng cây gậy baton đánh anh C, sau đó cây gậy baton bị tuột ra khỏi tay N, lúc này N nhặt cây gậy baton lên và đồng thời rút thêm cây mắc màn bằng kim loại đang cắm ở giường anh C, N một tay cầm cây gậy baton, một tay cầm cây mắc màn bằng kim loại và tiếp tục đánh vào phần đầu, tay, chân của anh C. Khoảng hơn 01 phút sau, L chạy vào và can ngăn N, đẩy N ra và nói “*thôi anh*”, đồng thời L giật cây mắc màn trên tay N, khi giật thì vô tình trúng vào đùi của anh C, lúc này N đã dừng hẳn lại không đánh C nữa và đi ra ngoài; lúc này C nói với L “*đụ mẹ, tụi bay nghĩ tụi bay là giang hồ à*”, L nghe vậy nên tức, cảm thấy bị xúc phạm vì mình đã vào can ngăn mà bị anh C nói vậy nên sẵn cây mắc màn đang cầm trên tay trái của mình, L đánh anh C một cái vào đùi (*đùi phải*) và nói “*em can ngăn mà anh nói gì vậy*”, anh C nói tiếp “*tụi bay để tao sống với*”. Sau đó L bỏ lại cây gậy mắc màn trên giường anh C và bỏ đi ra ngoài và nhờ anh Hạnh đưa anh C đi Bệnh viện. Sau đó, cả hai lên xe và N yêu cầu anh L1 chạy xe về hướng xã M, huyện S, tỉnh Kon Tum. Khi xe đi đến Cột mốc Km35, tỉnh lộ 674, xã Mo Ray, huyện S, tỉnh Kon Tum thì N hạ cửa kính xe xuống và ném cây gậy baton ra ngoài.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 10/TgT-TTPY ngày 17/02/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum đã kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 14%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/2020/KL-HĐĐG, ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I, tỉnh Kon Tum đã kết luận: Tổng giá trị tài sản trưng cầu Hội đồng định giá (02 tấm kính bị N đập vỡ) là 420.900 (*Bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm đồng*).

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum phát biểu lời luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm của bị cáo gây ra cho xã hội. Đồng thời, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, nhân thân của bị cáo, đó là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bị cáo có công với cánh mạng, vụ việc xảy ra có phần lỗi của bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự với tình tiết tại điểm a khoản 1; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (04/04/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại. Việc tự nguyện thỏa bồi thường thiệt hại là phù hợp không trái quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị T không có yêu cầu gì vì là mẹ ruột của bị cáo. Phía Công ty xăng dầu B không có yêu cầu bồi thường.

Về vật chứng của vụ án:

- Trả lại cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C 01 cây mắc màn bằng kim loại màu xám dài 1,5m, đường kính 2,1cm phía dưới của cây gậy có vết móp rộng 19 mm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn nẹp dây điện bằng nhựa màu trắng dạng hình hộp chữ N được ghép bằng hai miếng có chiều dài 12,5 cm, chiều rộng 2,1 cm.

- Đối với cây gậy ba ton, Cơ quan CSĐT đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với hai tấm kính đã bị vỡ vụn, nhân viên cây xăng đã dọn dẹp nên không thu giữ nên không có cơ sở để xử lý.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong nội dung của bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đỗ Nguyễn Nhị C đã thống nhất thỏa thuận bồi thường số tiền

30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Tại phiên tòa, tôi đề nghị bị cáo bồi thường đủ số tiền còn lại ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Tôi đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị T trình bày tại phiên tòa: Tôi là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Văn N, sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động nhờ tôi đứng ra nộp bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Đây là số tiền của tôi và không có yêu cầu cháu N trả lại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Trong thời gian tạm giam, được sự giáo dục của cán bộ bị cáo nhận ra lỗi lầm và gửi lời xin lỗi đến người bị hại là anh Đỗ Nguyễn Nhị C. Xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo về chăm lo cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Điều tra Công an huyện I tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, lời khai của bị cáo là khách quan phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định pháp y thương tích cũng như lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do có mâu thuẫn từ trước trong việc nhắn tin giữa vợ bị cáo N là chị Trần Thị Như T và anh Đỗ Nguyễn Nhị C nên khoảng 21 giờ ngày 18/01/2020, bị cáo N rủ Nguyễn Đức L bắt taxi lên gặp anh Đỗ Nguyễn Nhị C để nói chuyện. Trong lúc nói chuyện do bức xúc về việc anh C bảo vợ mình là T “*ôm hết thằng này, thằng khác*” nên bị cáo N yêu cầu anh C ra ngoài để nói chuyện nhưng anh C nhất quyết không chịu ra, không kiềm chế được bị cáo N đã chạy ra xe và lấy

gậy ba ton quay vào đập vỡ cửa kính cửa hàng, cửa kính phòng ngủ của anh C và xông vào đánh anh C, đang đánh thì gậy ba ton bị rơi. Bị cáo N liền nhặt cây mắc màn có trong phòng tiếp tục đánh vào phần đầu, tay, chân anh C. Khi nghe có xô xát giữa bị cáo và bị hại, L từ ngoài chạy vào can ngăn và giật cây mắc màn trên tay N nên N đã dừng hẳn lại không đánh anh C nữa và đi ra ngoài. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N dùng gậy ba ton và cây mắc màn đánh vào người anh Đỗ Nguyễn Nhị gây thương tích 14% (Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 10/TgT-TTPY ngày 17/02/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum) đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”, cây gậy ba ton bằng kim loại và cây mắc màn bằng sắt mà bị cáo sử dụng để đánh anh C là “*hung khí nguy hiểm*”. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS, với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 08/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại khoản 2 Điều 134 BLHS, với tình tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự mặc dù vụ việc xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại nhưng hậu quả là bị cáo đã làm cho bị hại C bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%. Hành vi phạm tội của bị cáo, không chỉ trực tiếp xâm phạm sức khỏe của bị hại một cách trái pháp luật, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, buộc bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã tác động đến mẹ mình là bà Trương Thị T đứng ra bồi thường số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu đồng*) để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bị cáo có công với cánh mạng (*ông nội là Nguyễn Hồng T và bà nội là Nguyễn Thị Th đều được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước*) và vụ việc xảy ra có phần lỗi của bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật cũng đủ tác dụng cải tạo và giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi đập vỡ 02 cửa kính của N gây thiệt hại về tài sản là 420.900đ (*Bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm đồng*) chưa đủ định lượng, bản thân N chưa có tiền án tiền sự nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Hủy hoại tài sản, do đó việc Cơ quan CSĐT Công an huyện I ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn N về hành vi này là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Đức L: Không có sự bàn bạc, thỏa thuận hay hứa hẹn gì với N, L chỉ đồng ý đi cùng N lên gặp C để nói chuyện; việc N đánh anh C là do mâu thuẫn trong quá trình hai người nói chuyện với nhau, nằm ngoài ý muốn của L, bản thân L đã lập tức chạy vào can ngăn và N lúc này đã dừng hẳn việc đánh anh C; bên cạnh đó, việc L sử dụng cây mắc màn (giật được từ tay N) đánh 01 cái vào đùi phải anh C (không gây ra thương tích) phát sinh từ việc anh C chửi L chứ hoàn toàn không liên quan đến mâu thuẫn giữa N và C. Do đó, L không cố ý thực hiện một tội phạm với N nên không phải là đồng phạm trong vụ án. Hành vi đánh anh C của L không gây thương tích nên việc Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự mà ra Quyết định xử phạt hành chính đối với L là có căn cứ.

Đối với Phan Trường L1: Là tài xế taxi, chỉ thực hiện theo yêu cầu của khách hàng là N, không có mối quan hệ gì; quá trình thực hiện việc đón và trả khách đều theo đúng quy định của Công ty, hoàn toàn không liên quan đến vụ việc; giữa L1 và N không có sự bàn bạc, thỏa thuận hay hứa hẹn gì do đó L1 không phải là đồng phạm trong vụ án.

Ngoài ra, trong vụ án có các đơn trình báo của chị Trần Thị Như T, bà Cao Thị T với nội dung anh C thường xuyên nhần tin tán tỉnh chị T, tự ý đăng hình người khác khi chưa có sự đồng ý; quá trình điều tra đã xác định rõ hành vi của anh C không ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, không cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác do đó không đủ cơ sở xử lý hình sự về hành vi này.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C với số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng. Gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn N phải tiếp tục bồi

thường số tiền còn lại là 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*) cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C vào ngày 30/12/2020.

Việc tự nguyện thỏa bồi thường thiệt hại là phù hợp không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó.

Đối với số tiền 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*) mà mẹ của bị cáo là bà Trương Thị T không có yêu cầu gì vì là mẹ ruột của bị cáo. Đây là số tiền riêng của bà T, tự nguyện đứng ra bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, có thu giữ 01 cây mắc màn bằng kim loại, màu xám dài 1,5m, đường kính 2,1cm phía dưới của cây gậy có vết móp rộng 19 mm. Đây là đồ vật của bị hại anh Đỗ Nguyễn Nhị C được bị cáo N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại anh Đỗ Nguyễn Nhị C yêu cầu trả lại. Xét thấy, đây là cây mắc màn của anh C xin trả lại cho anh C là có cơ sở.

- Đối 01 đoạn nẹp dây điện bằng nhựa màu trắng dạng hình hộp chữ N được ghép bằng hai miếng có chiều dài 12,5 cm, chiều rộng 2,1 cm. Đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với cây gậy ba ton, Cơ quan CSĐT đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có cơ sở để xử lý.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N là cá nhân thuộc cận hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (04/4/2020).

**2. Trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C với số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng. Gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn N phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*) cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C vào ngày



30/12/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và hết thời hạn thỏa thuận ngày 30/12/2020, có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại nếu bị cáo không tự nguyện bồi thường đủ số tiền nêu trên thì bị cáo Nguyễn Văn N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**3. Về xử lý vật chứng vụ án:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên trả lại cho anh Đỗ Nguyễn Nhị C: 01 cây mắc màn bằng kim loại, màu xám dài 1,5m, đường kính 2,1cm phía dưới của cây gậy có vết móp rộng 19 mm.

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng: 01 đoạn nẹp dây điện bằng nhựa màu trắng dạng hình hộp chữ N được ghép bằng hai miếng có chiều dài 12,5 cm, chiều rộng 2,1 cm.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện I và Cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum).*

**4. Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn N.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2020) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND huyện I, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Công an huyện I;
- Trại tạm giữ Công an huyện I;
- UBND xã/phường/thị trấn (nơi cư trú của bị cáo);
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ PV27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Phú Lợi**